

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải, ông Y Dhiều Hmok.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phi Hải – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2023/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1979 – có mặt

Bị đơn: Ông Lê Đình T, sinh năm 1979 - vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số A, đường V, tổ dân phố T, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Lê Đình T sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 03/11/1999. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2013 đến nay vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau thường xuyên, do ông T không quan tâm gia đình chỉ lo chơi bời, cờ bạc, bà H đã cố gắng khuyên nhủ nhưng vợ chồng không thể hàn gắn nhưng không được nên năm 2022 bà H đã làm đơn ly hôn, sau đó bà đã rút đơn vì ông T hứa sẽ khắc phục, nhưng đến nay mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay đã sống ly thân, nên bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Đình K, sinh năm 20/11/2000 và cháu Lê Hoàng Hải N, sinh ngày 01/5/2008. Cháu K đã trưởng thành, đủ tuổi thành niên (Trên 18 tuổi) nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu N giới tính nữ, nên cần có mẹ sự chăm sóc của người mẹ và bà H có nguyện vọng nuôi cháu N, mặt khác cháu Nhi cũng có nguyện vọng ở với mẹ, vì vậy bà H đề nghị Tòa án giao cháu N cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn ông Lê Đình T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt ông Lê Đình T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 21-11-2023 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; ngày 28-11-2023, Tòa án Thông báo nộp tạm ứng án phí; cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn

Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Đình T vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị H và ông Lê Đình T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà Hoàng Thị H xác định vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, trong sinh hoạt hàng ngày thường xuyên bất đồng quan điểm và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà Hoàng Thị H và ông Lê Đình T thì địa phương cung cấp quá trình sống tại địa phương giữa bà Hoàng Thị H và ông Lê Đình T khi phát sinh mâu thuẫn không ai trình báo với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được, nhưng hiện tại bà Hoàng Thị H và ông Lê Đình T đã sống ly thân từ đầu năm 2023.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Hoàng Thị H và ông Lê Đình T đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà Hoàng Thị H ly hôn ông Lê Đình T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Đình K, sinh năm 20/11/2000 và cháu Lê Hoàng Hải N, sinh ngày 01/5/2008. Cháu K đã trưởng thành, đủ tuổi thành niên (trên 18 tuổi) nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu N giới tính nữ, nên cần có mẹ sự chăm sóc của người mẹ và bà H có nguyện vọng nuôi cháu N, mặt khác cháu N cũng có nguyện vọng ở với mẹ. HĐXX thấy rằng con chung là cháu Lê Hoàng Hải N, sinh ngày 04/5/2008, từ khi bà Hoàng Thị H và ông Lê Đình T ly thân cho đến thời điểm hiện tại thì cháu Lê Hoàng Hải N sống cùng với bà Hoàng Thị H, để đảm bảo quyền lợi ích và phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu Lê Hoàng Hải N, nên HĐXX xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của bà Hoàng Thị H là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[4.3] Về tài sản chung và công nợ: Bà Hoàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly

hôn sơ thẩm. Bị đơn ông Lê Đình T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Lê Đình T.

2. **Về con chung:** Giao con chung là cháu Lê Hoàng Hải N, sinh ngày 01/5/2008 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông ông Lê Đình T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ chung:** Bà Hoàng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập xem xét.

4. **Về án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0018863 ngày 28-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Bị đơn ông Lê Đình T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã P ;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Kim Chung